

# しごとのための にほんご

职场日语

Japanese Language for Work

Japonés para el Trabajo

Tiếng Nhật dành cho công việc

Online Course

12月、1月スタートオンラインコース

むりょう  
免费  
FREE  
GRATIS  
Miễn phí

## Chugoku/ Kyushu / Okinawa Online Course

中国・九州・沖縄広域オンラインコース

### おもな学習内容(がくしゅうないよう)

主要学习内容 / Course Content / Contenido Principal del Estudio / Nội dung học tập chính

このコースでは、安定就労(あんていしゅうろう)に向(む)けて、「求職活動(きゅうしょくかつどう)」や「はたらく」場面(ばめん)で用(もち)いる日本語(にほんご)や日本(にほん)の職場習慣(しょくばしゅうかん)、雇用慣行(こようかんこう)などを学習(がくしゅう)します。

本课程将学习在“求职活动”和“工作”场景中使用的日语，日本职场的习惯和雇佣习惯等，为稳定就业做准备。

This course aims to promote stable employment by teaching Japanese used in "Job Application Process" and "Work Situations", in addition to Japanese business customs and employment practices.

En este curso aprenderán japonés que se usa en escenas relacionadas con el "Proceso de Solicitud de Empleo" y el "Trabajo", los modales de negocios y las costumbres laborales para encontrar un trabajo estable en Japón.

Trong khóa học này, bạn sẽ học tiếng Nhật sử dụng trong các tình huống "Làm việc", tập quán ở nơi làm việc của Nhật Bản và thói quen tuyển dụng, v.v... để có được việc làm ổn định.

### 申込(もうしこみ)

申請 / To apply / Inscripción / Cách đăng ký

#### ハローワークで 申込(もうしこみ)

请在公共职业安定所进行咨询，办理申请手续

Apply at **Hello Work**

Inscribirse en **Hello Work**

Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm **Hello Work**

#### レベルチェックテスト

日语水平测试 / Placement Test / Prueba de Nivel

Bài thi kiểm tra trình độ

#### 筆記(ひっき)

笔试  
Writing  
Escrito  
Viết



+

#### 会話(かいわ)

会话  
Conversation  
Conversación  
Cuộc hội thoại



#### 研修(けんしゅう) スタート

进修开始

Training Begins

Inicio del Curso

Bắt đầu khóa đào tạo



### 申込(もうしこみ)に必要な(ひつよう)なもの

申请所需资料/What you need for application/

Lo que necesita para inscribirse/

Những thứ cần thiết để đăng kí.



在留(ざいりゅう)カードまたはパスポート

在留卡或护照

Resident Card or Passport

Tarjeta de Residencia o Pasaporte

Thẻ lưu trú Hoặc hộ chiếu Bài thi kiểm tra trình độ



#### ハローワークって？

公共职业安定所是什么？

What is Hello Work?

¿Qué es Hello Work?

Hello Work là gì?



#### 通訳(つうやく)がいるハローワーク

配备翻译的职业安定所

The Hello Work offices with interpreters

Oficina de empleo con intérpretes

Hellowork có phiên dịch viên.

| No. | レベル<br>Level | <br>コーススケジュール<br>Course Schedule                                                                                        | <br>申込受付<br>(もうしこみ<br>うけつけ)<br>Application<br>Period | <br>レベルチェック<br>テスト<br>筆記 (ひっき)<br>Placement Test<br>(Writing) | <br>レベルチェック<br>テスト<br>会話 (かいわ)<br>Placement Test<br>(Conversation) | <br>といあわせ<br>Contact Info                                                                  |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 278 | 1            | 2025/12/15-<br>2026/3/3<br>月(げつ)-金(きん)<br>周一-周五 Mon.-Fri.<br>Lun. a Vie. / từ thứ hai đến<br>thứ sáu<br>18:00-21:00   | 10/30-<br>11/14                                                                                                                      | 11/15-<br>11/21                                                                                                                               | 12/2<br>18:00-                                                                                                                                     | なかむら りさ<br>(Ms. NAKAMURA Lissa)<br>☎ 080-4336-0896<br>✉ <a href="mailto:tabunka28@softbank.ne.jp">tabunka28@softbank.ne.jp</a><br>Japanese/ English/ Portuguese /<br>Spanish |
| 279 | 3            | 2025/12/17-<br>2026/3/5<br>月(げつ)-金(きん)<br>周一-周五 Mon.-Fri.<br>Lun. a Vie. / từ thứ hai đến<br>thứ sáu<br>18:00-21:00  | 10/30-<br>11/14                                                                                                                      | 11/15-<br>11/21                                                                                                                               | 12/3<br>18:00-                                                                                                                                     | ひじおか はるか<br>(Ms. HIJIOKA Haruka)<br>☎ 080-4336-0397<br>✉ <a href="mailto:tabunka37@softbank.ne.jp">tabunka37@softbank.ne.jp</a><br>Japanese/ English/ Portuguese             |
| 280 | 2            | 2026/1/13-<br>2026/3/5<br>月(げつ)-金(きん)<br>周一-周五 Mon.-Fri.<br>Lun. a Vie. / từ thứ hai đến<br>thứ sáu<br>8:30-12:30   | 10/30-<br>11/21                                                                                                                      | 11/25-<br>12/2                                                                                                                                | 12/19<br>9:00-                                                                                                                                     | やまだ ミレーナ<br>(Ms. YAMADA Mylena)<br>☎ 080-4902-2344<br>✉ <a href="mailto:tabunka138@softbank.ne.jp">tabunka138@softbank.ne.jp</a><br>Japanese/ Spanish/ Portuguese            |

オンライン授業(じゅぎょう)受講(じゅこう) の条件(じょうけん)

网课研修听讲的条件/ Requirements for Attending an Online Course /

Condiciones para asistir al curso de capacitación en línea / Điều kiện tham gia khóa đào tạo trực tuyến

申込(もうしこ)む前(まえ)に、つぎの1-6をかならず確認(かくにん)してください。

报名前, 请务必先确认下面 1 - 6 的内容。

Please note the following 6 points before registering.

Antes de inscribirse, verifique sin falta el contenido de los siguientes puntos del 1 al 6.

Hãy đảm bảo đã xác nhận nội dung từ 1-6 dưới đây trước khi đăng ký.

日本語(にほんご)

- 1. 通信費用(つうしん ひょう)は、すべて自分(じぶん)ではらいます。1カ月(いっかげつ)に30GB以上(いじょう)の通信量(つうしんりょう)が、かかります。携帯電話(けいたいでんわ)や自宅(じたく)のWi-Fiの契約(けいやく)を確認(かくにん)してください。※コンビニエンスストアやカフェなどの公共(こうきょう)Wi-Fiを使(つか)って、受講(じゅこう)はできません。
- 2. 受講時間(じゅこうじかん)に自分(じぶん)だけが使(つか)うことのできるPC、タブレット、スマートフォンなどを用意(ようい)してください。※スマートフォンでも受講(じゅこう)できますが、PCまたはタブレットをおすすめします。
- 3. 自宅(じたく)など、一人(ひとり)で参加(さんか)できる部屋(へや)を用意(ようい)してください。受講中(じゅこうちゅう)は発言(はつげん)の機会(きかい)があります。車(くるま)の中(なか)からの受講(じゅこう)はできません。
- 4. レベルチェックテストなどの案内(あんない)はEメールで連絡(れんらく)します。「@softbank.ne.jp」「@jice.org」のドメインからメールが受信(じゅしん)できるようにしてください。
- 5. 各(かく)コース、A/Bグループの2グループ制(せい)となります。指定(してい)された(または、きまった)グループから、移動(いどう)はできません。
- 6. Zoom、Webブラウザ、e-ラーニングシステムを使(つか)います。自分一人(じぶんひとり)で、デバイス(PC、タブレット、スマートフォンなど)が操作(そうさ)できるよう学習(がくしゅう)してください。

中文

- 1. 流量费用全部自己负担。1个月消耗30GB以上的流量。请确认手机或自家Wi-Fi的合同内容。\*不可在便利店或咖啡厅等地使用公共Wi-Fi听讲。
- 2. 听讲时间里需要只能自己专用的电脑、平板电脑、智能手机等终端设备。\*可以使用智能手机听讲，但是更为推荐电脑或平板电脑。
- 3. 请确保在家中等有可以单独上课的房间。在课程中会有机会发言。不能在车上上课。
- 4. 水平测试等信息通过邮件通知。请设定成为可以接收从“@softbank.ne.jp”和“@jice.org”域名发出的邮件。
- 5. 各课程分为A/B组的两组制。从指定的（或者是规定的）组里不能更换。
- 6. 使用Zoom、网络浏览器和电子学习系统。请大家学会自己一个人操作设备（电脑、平板电脑、智能手机等）进行学习。

English

- 1. You are responsible for paying all costs associated with accessing the Internet. The course will use more than 30GB of data per month. Please check your smartphone or home Wi-Fi contract. \*You may not use public Wi-Fi networks that are commonly available at convenience stores, cafes, etc.
- 2. You need to have a PC, tablet, smartphone or other mobile device that you can use exclusively for the duration of your course. \*Using a PC or tablet is recommended, although a smartphone may also be used.
- 3. Please secure a room, such as at home, where you can participate in the program alone. There will be opportunities for you to speak during the program. You may not attend from inside a car.
- 4. We will contact you about your placement test via email. Please make sure your email account is set so that you can receive emails from the “@softbank.ne.jp” and “@jice.org” domain.
- 5. Each course is offered in two groups, A and B. Participants may not switch from their designated (or prearranged) group to the other group.
- 6. You will be using Zoom, a web browser, and an e-learning system. Please be prepared to operate them on your device (PC, tablet, smartphone, etc.) by yourself.

Español

- 1. Todos los gastos de comunicación serán asumidos por los propios participantes. El volumen total de comunicación al mes llegará a alcanzar más de 30GB. Por favor verifique su contrato del celular o del Wi-Fi de su casa. \*No se puede asistir al curso usando el Wi-Fi público de tiendas de conveniencia, cafeterías, etc.
- 2. Es necesario un dispositivo exclusivo para usted como una computadora, tableta o celular durante el horario del curso. \*Se puede asistir mediante el celular, pero se recomienda usar una computadora o tableta.
- 3. Por favor, prepare una habitación en la que usted pueda participar en el curso de forma solitaria como su casa, etc. Durante el curso, usted tendrá alguna oportunidad de hablar o exponer su opinión. Por lo tanto, no podrá asistir al curso desde el interior de un automóvil.
- 4. Los avisos de la prueba de nivel, etc., serán enviados por medio del correo electrónico. Por favor configure su dispositivo para que pueda recibir el correo desde el dominio “@softbank.ne.jp” y “@jice.org”.
- 5. Cada curso se llevará a cabo en 2 grupos (Grupo A y Grupo B). Una vez designado (o determinado) su grupo, no es posible cambiarse de grupo.
- 6. Usted tendrá que usar Zoom, un navegador web y el sistema de aprendizaje electrónico (e-learning). Por lo tanto, le solicitamos que aprenda el manejo del dispositivo (PC, tableta, celular, etc.) para que pueda manejarlo por sí solo.

Tiếng việt

- 1. Mọi chi phí truyền thông sẽ do cá nhân tự thanh toán. Lưu lượng truyền thông tiêu thụ dự kiến hơn 30GB mỗi tháng nên khuyến nghị bạn hãy sử dụng môi trường không giới hạn lưu lượng truyền thông như Wi-Fi tại nhà mình, v.v... \*Không được sử dụng Wi-Fi công cộng như Wi-Fi của cửa hàng tiện lợi hoặc Wi-Fi của quán cà phê để tham gia bài giảng.
- 2. Bạn cần một thiết bị chỉ một mình bạn sử dụng vào thời gian tham gia bài giảng như máy vi tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh, v.v... \*Bạn cũng có thể tham gia bài giảng bằng điện thoại thông minh nhưng tốt hơn là hãy sử dụng sử dụng máy vi tính hoặc máy tính bảng có màn hình lớn.
- 3. Hãy chuẩn bị một phòng mà bạn có thể tham gia một mình như ở nhà, v.v. Trong quá trình tham gia học, bạn sẽ có cơ hội phát biểu. Không thể tham gia học từ trong xe ô tô.
- 4. Hướng dẫn về bài thi kiểm tra trình độ, v.v... sẽ được liên lạc qua E-mail. Hãy đảm bảo có thể nhận được email từ domain “@softbank.ne.jp” và “@jice.org”.
- 5. Có 2 nhóm A/B cho mỗi khóa học. Không thể di chuyển khỏi nhóm đã được chỉ định (hoặc đã được quy định).
- 6. Sử dụng Zoom, trình duyệt web và hệ thống học trực tuyến. Hãy học cách thức vận hành để tự mình có thể sử dụng thiết bị (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh, v.v.)

在留資格（ざいりゅうしかく）

居留資格 / Status of Residence / Estatus Residencial / Tư cách lưu trú

永住者(えいじゅうしゃ)、日本人(にほんじん)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、永住者(えいじゅうしゃ)の配偶者等(はいぐうしゃとう)、定住者(ていじゅうしゃ) など、仕事(しごと)ができる在留資格(ざいりゅうしかく)の方(かた)。

- 永住者、日本人の配偶者等、永住者の配偶者等、定住者等、有工作許可の在留資格者。
- Permanent residents, spouse or children of Japanese nationals, spouse or children of permanent residents, long-term residents, etc., who have a residence status that allows them to work.
- Residentes permanentes, cónyuge o hijos de ciudadanos japoneses, cónyuge o hijos de residentes permanentes, residentes a largo plazo, etc., quienes tienen un estatus de residencia que les permita trabajar.
- Người cư trú vĩnh trú, có vợ (chồng) là người nhật, người có vợ (chồng) là người cư trú vĩnh trú, người cư trú định trú, người có tư cách (được phép) làm việc hoặc người đang tìm việc, đặc biệt là những người cư trú dài hạn v.v

レベル

等級 / Level / Nivel / Trình độ

1

- 初(はじ)めて日本語(にほんご)を勉強(べんきょう)する人(ひと)、日本語(にほんご)が少(すこ)し話(はな)せるが、ひらがな・カタカナの読(よ)み書(か)きが苦手(にがて)な人(ひと)のコースです。
- 本课程适合日语初学者以及会说简单日语，但不擅长平假名/片假名读写的学员。
  - This class is for people who are studying Japanese for the first time, or who can speak a little Japanese but cannot read or write Hiragana and Katakana very well.
  - Es un curso destinado a personas que aprenderán japonés por primera vez o que pueden hablar un poco pero tienen dificultad para leer y escribir hiragana y katakana.
  - Đây là khóa học dành cho người mới bắt đầu học tiếng Nhật, và người có thể nói một chút tiếng Nhật, nhưng còn yếu về kỹ năng đọc, viết Hiragana và Katakana.

2

- ひらがな・カタカナの読(よ)み書(か)きができ、日本語(にほんご)を少(すこ)し勉強(べんきょう)したことがある人(ひと)のコースです。生活(せいかつ)の中(なか)で日本語(にほんご)での簡単(かんたん)なやり取(と)りが少(すこ)しできる人(ひと)のコースです。
- 本课程适合会平假名/片假名读写，学过少量日语的学员。以及在生活中会用日语少量简单交流的学员。
  - This class is for people who can read and write Hiragana and Katakana and have studied a little Japanese before. It is also for those who can communicate somewhat in simple Japanese in daily life.
  - Es un curso destinado a personas que han estudiado un poco el idioma japonés, pueden leer y escribir hiragana y katakana, como a personas que en la vida cotidiana pueden comunicarse de forma breve.
  - Đây là khóa học dành cho người đã có thể đọc viết Hiragana và Katakana, đã từng học một chút tiếng Nhật. Khóa học này dành cho người có thể trao đổi đơn giản được một chút bằng tiếng Nhật trong cuộc sống hàng ngày.

3

- ひらがな・カタカナや簡単(かんたん)な漢字(かんじ)の読(よ)み書(か)きができ、生活(せいかつ)の中(なか)である程度(ていど)会話(かいわ)ができる人(ひと)のコースです。状況(じょうきょう)や相手(あいて)に合(あ)わせた職場(しょくば)での話(はな)し方(かた)をさらに伸(の)ばしましょう。
- 本课程适合会平假名/片假名及简单汉字的读写，在生活中能进行一定程度日语对话的学员。符合不同场景及交谈对象的职场会话在本项课程学习中会更加进步。
  - This class is for people who can read and write Hiragana, Katakana and simple Kanji characters, and can carry on conversations in Japanese fairly well in daily life. It is recommended for those who wish to improve their skills in speaking appropriately at work in accordance with the situation or the person being spoken to.
  - Es un curso destinado a personas que pueden leer y escribir hiragana, katakana y algunos kanjis básicos, también en la vida cotidiana pueden comunicarse en japonés hasta un cierto punto. El objetivo es mejorar la manera correcta de comunicarse conforme a la persona con la que habla o a la situación en el lugar de trabajo.
  - Đây là khóa học dành cho người có thể đọc viết Hiragana, Katakana và một vài Hán tự đơn giản, có thể giao tiếp ở một mức độ nhất định trong cuộc sống hàng ngày. Hãy phát triển hơn nữa cách giao tiếp tại nơi làm việc sao cho phù hợp phù hợp với tình huống và đối tượng giao tiếp.



JICE Website

<https://www.jice.org/tabunka/recruit/>



JICE Tabunka en



JICE Facebook

しごとのためのにほんご

<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>



FAQ

<https://www.jice.org/tabunka/pdf/online.pdf>



Japan International  
Cooperation Center

Shinjuku Dai-ichi Seimei Bldg., 16th Floor 2-7-1,  
Nishi-shinjuku, Shinjuku-ku, Tokyo 163-0716